

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

PHẦN 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN

I. TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Khái niệm .
2. Chức năng
3. Các dịch vụ của ngân hàng thương mại

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LÃI SUẤT.

1. Khái niệm
2. Phân loại lãi suất
3. Cách phân biệt một số lãi suất.
4. Các nhân tố ảnh hưởng tới lãi suất

III. LÃI SUẤT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG.

1. Lãi suất tiền gửi giao dịch
2. Lãi suất tiền gửi phi giao dịch
3. Các loại lãi suất khác
4. Phương pháp xác định chi phí huy động vốn (Lãi suất cho vay hòa vốn).
5. Phương pháp định giá lãi suất tiền gửi.
6. Các nhân tố cấu thành lãi suất tiền gửi.

PHẦN 2. LÃI SUẤT TIỀN GỬI CỦA NGÂN HÀNG TECHCOMBANK.

I. SƠ LƯỢC VỀ NGÂN HÀNG TECHCOMBANK.

II. CÁC LOẠI LÃI SUẤT TIỀN GỬI CỦA NGÂN HÀNG TECHCOMBANK

III. BẢNG SO SÁNH LÃI SUẤT TIỀN GỬI GIỮA CÁC NGÂN HÀNG.

LỜI MỞ ĐẦU

Lãi suất là một phạm trù kinh tế, phản ánh mối quan hệ giữa người cho vay và người đi vay, phản ánh mối quan hệ giữa cung-cầu về tiền tệ, thực trạng nền kinh tế của một đất nước.

Trong nền kinh tế hiện đại, lãi suất là một công cụ hữu hiệu nhất được ngân hàng Trung Ương sử dụng để điều tiết nền kinh tế và vấn đề quan tâm của nhiều người, nhiều doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Đặc biệt trong thời gian gần đây vấn đề về lãi suất tiền gửi ngân hàng được quan tâm rất nhiều.

Tiền gửi ngân hàng là một trong những nguồn vốn cơ bản, quan trọng của ngân hàng thương mại. Nguồn vốn này chính là nền tảng cho sự phát triển của ngân hàng, đóng vai trò quan trọng và ảnh hưởng tới chất lượng hoạt động của ngân hàng. Hiện nay, hầu hết ngân hàng đều phải đối mặt với sự cạnh tranh thu hút khách hàng về mình trong việc định giá các dịch vụ liên quan đến tiền gửi.

Lãi suất tiền gửi có tác động rất nhiều đến hiệu quả của hoạt động huy động tiền gửi. Mặt khác lãi suất này có tính quyết định đối với việc mở rộng nguồn vốn vốn, chất lượng của nguồn vốn. Chính vì vậy ngân hàng cần có một chính sách về lãi suất tiền gửi phù hợp với một mặt để có thể thu hút và duy trì sự ổn định trong lượng tiền gửi của khách hàng, mặt khác ổn định thu nhập của ngân hàng.

Vấn đề này sẽ được làm rõ hơn trong bài tiểu luận của chúng tôi với đề tài “ Một số vấn đề cơ bản về lãi suất tiền gửi ngân hàng thương mại”

Phần I: CƠ SỞ LÝ LUẬN

I. Tổng quan về ngân hàng thương mại.

1. Khái niệm

Ngân hàng thương mại là một tổ chức tài chính trung gian có vị trí quan trọng nhất trong nền kinh tế.

Có nhiều khái niệm khác nhau về ngân hàng thương mại như:

- Ở Mỹ: ngân hàng thương mại là một công ty kinh doanh chuyên cung cấp các hoạt động tài chính và các dịch vụ trong ngành tài chính.
- Ở Ấn Độ: ngân hàng thương mại là cơ sở nhận các khoản kí thác để cho vay hay tài trợ và đầu tư.
- Ở Việt Nam: ngân hàng thương mại là tổ chức kinh doanh tiền tệ mà hoạt động chủ yếu và thường xuyên là nhận tiền kí gửi từ khách hàng với trách nhiệm hoàn trả và sử dụng số tiền đó để cho vay, thực hiện nhiệm vụ chiết khấu và nghiệp vụ thanh toán.

Qua các khái niệm trên có thể rút ra một số đặc trưng của ngân hàng thương mại như sau:

- ❖ Cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính với nghiệp vụ cơ bản là nhận tiền gửi, cho vay và cung ứng các dịch vụ thanh toán.
- ❖ Là một tổ chức tài chính quan trọng.

2. Chức năng của ngân hàng

2.1. Trung gian tài chính

Chức năng trung gian tín dụng được xem là chức năng cơ bản và quan trọng nhất của ngân hàng thương mại, giúp tập trung vốn của nền kinh tế.

Ngân hàng thương mại như là cầu nối giữa những người thừa vốn (tức là người có tiền muốn cho vay hoặc muốn gửi ở ngân hàng) với những người có nhu cầu về vốn (tức là người đi vay).

Ngân hàng thương mại vừa đóng vai trò là người đi vay, vừa đóng vai trò là người cho vay và hưởng lợi nhuận là khoản chênh lệch giữa lãi suất nhận gửi và lãi suất cho vay, góp phần tạo lợi ích cho tất cả các bên tham gia: người gửi tiền và người đi vay.

Đặc biệt là đối với nền kinh tế chức năng này đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vì nó đáp ứng nhu cầu vốn để đảm bảo quá trình tái sản xuất được thực hiện liên tục và quy mô sản xuất.

2.2 Chức năng tạo tiền

Xuất phát từ khả năng thay thế lượng tiền giấy bạc trong lưu thông bằng những phương tiện thanh toán khác như séc, uỷ nhiệm chi... Chức năng này được thực hiện thông qua nghiệp vụ tín dụng và đầu tư của hệ thống ngân hàng thương mại, trong mối liên hệ chặt chẽ với hệ thống dự trữ quốc gia.

Hệ thống tín dụng là điều kiện cần thiết cho phát triển kinh tế theo hệ số tăng trưởng vững chắc. Mục đích của chính sách dự trữ quốc gia là đưa ra một khối lượng tiền cung ứng phù hợp với chính sách ổn định về giá cả, tăng trưởng kinh tế ổn định và tạo được việc làm.

2.3. Trung gian thanh toán

Ngân hàng thương mại đóng vai trò là thủ quỹ của các doanh nghiệp thực hiện các thanh toán theo yêu cầu của khách hàng như:

- Trích tiền từ tài khoản tiền gửi của họ để thanh toán tiền mua hàng, dịch vụ...
- Nhập vào tài khoản tiền gửi của khách hàng tiền thu bán hàng và các khoản thu khác theo lệnh của họ.

Để việc thanh toán nhanh chóng, thuận tiện và tiết kiệm chi phí, ngân hàng đưa ra cho khách hàng nhiều hình thức thanh toán như thanh toán bằng séc, uỷ nhiệm chi, nhờ thu, các loại thẻ... cung cấp mạng lưới thanh toán điện tử, kết nối các quỹ và cung cấp tiền giấy khi khách hàng cần

Các ngân hàng còn thực hiện thanh toán bù trừ với nhau thông qua ngân hàng Trung Ương hoặc thông qua các trung tâm thanh toán.

3. Các dịch vụ ngân hàng

- *Mua bán ngoại tệ.*
- *Nhận tiền gửi.*
- *Cho vay.*
- *Bảo quản vật có giá.*
- *Cung cấp các tài khoản giao dịch và thực hiện thanh toán.*
- *Quản lý ngân quỹ.*
- *Tài trợ các hoạt động của chính phủ.*
- *Bảo lãnh.*
- *Cho thuê thiết bị trung và dài hạn.*
- *Cung cấp dịch vụ uỷ thác và tư vấn.*

- *Cung cấp dịch vụ môi giới đầu tư chứng khoán.*
- *Cung cấp các dịch vụ bảo hiểm.*

II Một số vấn đề về lãi suất

1. Khái niệm về lãi suất

Lãi suất là một phạm trù kinh tế mang tính chất tổng hợp, đa dạng và phức tạp. Tính tổng hợp và phức tạp của lãi suất xuất phát từ khái niệm “lãi suất không có gì khác hơn là một loại giá-giá thuê vốn

Nó tổng hợp bởi sự chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố kinh tế quan trọng tác động đến sự phát triển của nền kinh tế.

Vậy lãi suất được hiểu theo một nghĩa chung nhất là giá cả của tín dụng – giá cả của quan hệ vay mượn hoặc cho thuê những dịch vụ về vốn dưới hình thức tiền tệ hoặc các dạng thức tài sản khác nhau. Khi đến hạn, người đi vay sẽ phải trả cho người cho vay một khoản tiền dôi ra ngoài số tiền vốn gọi là tiền lãi. Tỷ lệ phần trăm của số tiền, lãi trên số tiền vốn gọi là lãi suất.

2. Phân loại lãi suất

2.1. Phân loại theo độ dài thời gian

- +Ngắn hạn: từ 12 tháng trở xuống
- +Trung hạn: Trên 12 tháng đến 5 năm
- +Dài hạn :Trên 5 năm

2.2. Phân loại theo loại tiền

Lãi suất nội tệ: Đây là lãi suất được tính trên cơ sở đồng tiền của quốc gia sử dụng, được áp dụng trong khuôn khổ cho vay hoặc đi vay bằng đồng tiền của quốc gia đó.

Lãi suất ngoại tệ: Đây là loại lãi suất được tính trên cơ sở những đồng tiền của nước ngoài được thực hiện khi vay hoặc cho vay bằng ngoại tệ.

2.3. Phân loại theo phương pháp tính lãi.

Lãi suất đơn: là lãi suất chỉ được xác định trên số vốn gốc ban đầu mà không tính thêm tiền lãi tích lũy kỳ trước.

Lãi suất ghép: lãi suất này được hình thành bởi sự ghép lãi đơn trong thời kỳ vào vốn để tính lãi trong thời kỳ kế tiếp theo và có thể tiếp tục mãi.

2.4. Phân loại theo giá trị thực

- +Lãi suất danh nghĩa: Là lãi suất của tài sản trên đơn vị tiền tệ .

VD: giả sử một hộ gia đình gửi tiền 100 USD với một ngân hàng trong vòng 1 năm và họ nhận được tiền lãi 10 USD. Vào cuối năm số dư của họ là 110 USD. Trong trường hợp này, **lãi suất danh nghĩa** là 10% mỗi năm.

+Lãi suất thực là lãi suất được chỉnh lại cho đúng theo những thay đổi dự tính về mức giá, do đó nó phản ánh chính xác hơn chi phí thật của việc vay tiền.

2.5. Phân loại theo nghiệp vụ ngân hàng

+Lãi suất huy động: là lãi suất do các ngân hàng đưa ra để huy động vốn tạm thời nhàn rỗi trong xã hội, trong đó lãi suất tiền gửi có vị trí quan trọng.

+Lãi suất cho vay: là lãi suất mà người đi vay của ngân hàng căn cứ vào đó để trả lãi vay cho ngân hàng.

3. Cách phân biệt một số lãi suất

3.1. Lãi suất thực và lãi suất danh nghĩa

Trên thực tế, những khoản thu nhập bằng tiền hay thu nhập danh nghĩa thường không phản ánh đúng giá trị thực của chính khoản thu nhập đó. Tỷ lệ lạm phát hay tỷ lệ trượt giá của đồng tiền trong một thời gian nhất định luôn làm cho giá trị thực trở nên nhỏ hơn giá trị danh nghĩa. Vì vậy, lãi suất thực luôn nhỏ hơn lãi suất danh nghĩa bởi tỷ lệ lạm phát nói trên.

3.2. Lãi suất và tỷ suất lợi tức

Lãi suất là tỷ lệ phần trăm của số tiền lãi trên số tiền vốn cho vay. Trong khi đó tỷ suất lợi tức là tỷ lệ phần trăm của số thu nhập của người có vốn trên tổng số vốn anh ta đã đưa vào sử dụng (đầu tư hay cho vay). *Như vậy lãi suất không nhất thiết bằng tỷ suất lợi tức.*

3.3. Lãi suất cơ bản của ngân hàng

Ba lãi suất cơ bản của ngân hàng thường được quan tâm hơn cả bao gồm: *lãi suất tiền gửi, lãi suất cho vay và lãi suất liên ngân hàng*

+ Lãi suất tiền gửi thông thường là lãi suất mà ngân hàng thương mại trả cho người gửi tiền trên số tiền ở tài khoản tiền gửi tiết kiệm. Tuy nhiên ở một số nước đang phát triển khác, tiền gửi không thời hạn để phát hành séc cũng có thể được trả lãi suất tiền gửi nhằm mục đích khuyến khích cho việc thanh toán không dùng tiền mặt.

+Lãi suất cho vay cũng bao gồm nhiều loại khác nhau, tùy theo tình chất của món vay và thời gian vốn.

+Ngoài lãi suất tiền gửi cho vay, liên quan đến hoạt động của ngân hàng trên phạm vi thị trường tiền tệ còn có lãi suất liên ngân hàng: Lãi suất mà các ngân hàng cho nhau vay tiền nhằm giải quyết nhu cầu vốn ngắn hạn trên các thị trường tiền tệ.

4. Các nhân tố ảnh hưởng tới lãi suất

Lãi suất trong nền kinh tế thị trường luôn biến động phụ thuộc rất nhiều vào các nhân tố kinh tế vĩ mô cũng như nhiều nhân tố khác.

4.1. Ảnh hưởng của cung cầu của quỹ cho vay

Lãi suất là giá cả của cho vay vì vậy bất kì sự thay đổi nào của cung cầu hoặc cả cung và cầu quỹ cho vay không cùng một tỷ lệ đều sẽ là thay đổi mức lãi suất trên thị trường.

4.2. Ảnh hưởng của lạm phát kỳ vọng

+Khi mức lạm phát được dự đoán sẽ tăng lên trong một thời kỳ nào đó, lãi suất sẽ có xu hướng tăng.

4.3. Ảnh hưởng của Bội chi Ngân sách

Một cách đơn giản nhất, bội chi ngân sách trung ương và địa phương trực tiếp làm cho cầu của quỹ cho vay tăng làm tăng lãi suất.

4.4. Những thay đổi về thuế

Thuế thu nhập cá nhân và thuế lợi tức công ty luôn tác động đến lãi suất giống như khi thuế tác động đến giá cả hàng hoá. Nếu các hình thức thuế này tăng lên cũng có nghĩa là điều tiết đi một phần thu nhập của những cá nhân và tổ chức cung cấp dịch vụ tín dụng hay những người tham gia kinh doanh chứng khoán.

4.5. Những thay đổi trong đời sống xã hội

Ngoài những yếu tố được trình bày ở trên, sự thay đổi của lãi suất còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố thuộc về đời sống xã hội khác.

III. Lãi suất tiền gửi ngân hàng

Hiện nay, hầu hết các ngân hàng đang phải đối mặt với sự cạnh tranh thu hút khách hàng về mình trong việc định giá các dịch vụ liên quan đến tiền gửi, một loại nguồn vốn chủ yếu của ngân hàng.

Ngân hàng thường phải lựa chọn giữa hai mục tiêu tăng trưởng và khả năng sinh lời. Trả lãi suất cao hơn cho các khoản tiền gửi và các nguồn vốn giúp cho ngân hàng tăng trưởng nhanh hơn, nhưng chiến lược cạnh tranh này khiến cho lợi nhuận của ngân hàng suy giảm nghiêm trọng.

Huy động vốn là hoạt động chủ yếu và thường xuyên của ngân hàng, bởi vì để có tiền cho vay và kinh doanh các lĩnh vực khác, ngân hàng không chỉ dựa vào nguồn vốn điều lệ của mình (vốn chủ sở hữu) mà còn phải huy động vốn trên thị trường.

1. Lãi suất tiền gửi giao dịch (tiền gửi thanh toán):

1.1. Khái niệm:

Đây là tiền của doanh nghiệp hoặc cá nhân gửi vào ngân hàng để nhờ ngân hàng giữ và thanh toán hộ.

Mục đích của khách hàng khi gửi tiền thanh toán là để an toàn tiện lợi trong thanh toán không dùng tiền mặt và hưởng các dịch vụ khác do ngân hàng cung cấp. Nhìn chung, lãi suất khoản tiền này rất thấp.

1.2. Phân loại

Tài khoản tiền gửi thanh toán dùng cho các doanh nghiệp: không được hưởng lãi trực tiếp, mà người gửi chỉ hưởng lãi gián tiếp thông qua các dịch vụ thanh toán miễn phí của ngân hàng.

Tài khoản tiền gửi thanh toán dùng cho cá nhân: được ngân hàng trả lãi, nhưng lãi suất áp dụng cho loại tiền gửi này thường thấp hơn lãi suất tiền gửi định kỳ.

2. Lãi suất tiền gửi phi giao dịch (tiền gửi có kì hạn và tiền gửi tiết kiệm)

2.1. Khái niệm:

Tiền gửi phi giao dịch là loại tiền gửi có định hướng tiết kiệm, gửi tiền dự phòng có hưởng lãi, không thể dùng thường xuyên vào mục đích thanh toán.

Khác với tiền gửi thanh toán, tiền gửi định lý là tiền tạm thời chưa sử dụng hoặc là tiền để dành của cá nhân, vì vậy mục đích gửi tiền vào ngân hàng là nhằm tìm kiếm tiền lãi.

Đối với ngân hàng tiền gửi định kì là nguồn vốn ổn định trong kinh doanh, do đó ngân hàng thường trả lãi cho tiền gửi có kì hạn cao hơn lãi suất chi trả cho tiền gửi thanh toán của cá nhân. Hình thức áp dụng tiền gửi có kì hạn tại các ngân hàng rất đa dạng, có loại có kì hạn 1 tuần, 2 tuần, 1 tháng, 3 tháng... thời hạn càng dài lãi suất càng cao.

2.2. Phân loại:

+ Tiền gửi có kì hạn của doanh nghiệp, các tổ chức xã hội.

Nhiều khoản thu bằng tiền của doanh nghiệp, các tổ chức xã hội sẽ được chi trả sau một thời gian xác định. Tiền gửi thanh toán tuy rất thuận tiện cho hoạt động thanh toán song lãi suất lại thấp. Để đáp ứng nhu cầu tăng thu của người gửi tiền, ngân hàng đã đưa ra hình thức tiền gửi có kì hạn. Người gửi không được sử dụng các hình thức thanh toán đối với tiền gửi này. Nếu cần chi tiêu, người gửi phải đến ngân hàng để rút tiền ra. Tuy không thuận lợi cho tiêu dùng bằng hình thức tiền gửi thanh toán song tiền gửi có kì hạn được hưởng lãi suất cao hơn tùy theo độ dài của kì hạn.

+ Tiền gửi tiết kiệm cá nhân:

Nhằm thu hút ngày càng nhiều tiền tiết kiệm, các ngân hàng đều cố gắng khuyến khích dân cư thay đổi thói quen giữ vàng và tiền mặt tại nhà bằng cách mở rộng mạng lưới huy động, đưa ra các hình thức huy động đa dạng và lãi suất cạnh tranh hấp dẫn. Ngân hàng có thể mở cho mỗi người tiết kiệm nhiều trương mục tiết kiệm cho mỗi kì hạn và mỗi lần gửi khác nhau. Sổ tiết kiệm này không dùng để thanh toán tiền hàng và dịch vụ song có thể thế chấp để vay vốn nếu được ngân hàng cho phép. Lãi suất tiền gửi tiết kiệm cũng rất đa dạng, nó được chia theo thời gian, chia theo khối lượng... Thời gian càng dài thì lãi suất càng cao...

3. Các loại lãi suất khác

a) Phát hành dưới hình thức ngang mệnh giá:

Người mua kì phiếu trả tiền theo mệnh giá đã được ghi trên tờ kỳ phiếu, khi đến hạn thanh toán, ngân hàng sẽ hoàn trả vốn gốc là mệnh giá và phần lãi mà khách hàng được hưởng

b)Phát hành dưới hình thức chiết khấu :

Người mua kỳ phiếu trả tiền theo mệnh giá trừ đi số tiền chiết khấu và khi đến hạn thanh toán, ngân hàng sẽ trả theo đúng mệnh giá.

4.Phương pháp xác định chi phí huy động vốn(Lãi suất cho vay hoà vốn)

Việc chọn lựa các phương pháp xác định chi phí huy động vốn sẽ giúp ngân hàng tính toán chính xác một cách tương đối chi phí huy động vốn được coi là yếu tố cơ bản để xác định mức lợi nhuận mà ngân hàng cần thu được từ các tài sản có sinh lời và tìm kiếm cho mình một tổ hợp các nguồn vốn khác nhau trên thị trường với mức chi phí thấp nhất. Bên cạnh đó, ngân hàng cũng có cơ sở để nhận định việc sử dụng nguồn vốn huy động ảnh hưởng đến rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất đến mức độ nào. Hầu hết các ngân hàng thương mại đều xác định chi phí huy động vốn theo phương pháp lãi suất cho vay hoà vốn:

Lãi suất cho vay hoà vốn=(chi phí trả lãi+chi phí huy động khác)/Tổng tài sản có có sinh lời.

Lãi suất cho vay hoà vốn là mức lãi suất cho vay tối thiểu do ngân hàng tính toán để xác định rằng nếu ngân hàng chỉ cho vay khách hàng ở mức lãi suất này thì ngân hàng chỉ đủ để trang trải các chi phí lãi (hoà vốn). Với phương pháp này có thể sẽ giúp nhà quản trị ngân hàng có mục tiêu tỷ suất sinh lời trước thuế định hướng trước để quyết định cho vay hay đầu tư mới đảm bảo bù đắp được chi phí huy động vốn và có lãi.

Các phương pháp xác định lãi suất cho vay hoà vốn như sau:

+ Lãi suất cho vay hoà vốn: chi phí bình quân theo nguyên giá. Phương pháp này chú trọng vào cơ cấu hỗn hợp các nguồn vốn mà ngân hàng đã huy động trong quá khứ và xem xét cẩn thận mức lãi suất mà thị trường đã áp đặt ngân hàng phải phải trả cho mỗi nguồn vốn đi vay. Tích số của lãi suất phải trả và tổng mức vốn đi vay được sử dụng trong quá khứ tạo thành chi phí nguồn vốn trung bình quân gia quyền.

+Lãi suất cho vay hoà vốn theo phương pháp chi phí bình quân có ưu điểm là đơn giản, nhưng lại chỉ nhìn về quá khứ để xem xét chi phí và lãi suất tối thiểu để cho vay đã thực hiện của ngân hàng. Phương pháp cho vay hoà vốn theo chi phí vốn biên giúp nhà quản trị hướng về tương lai

+Lãi suất hoà vốn theo chi phí huy động vốn hỗn hợp.

Lãi suất cho vay=(chi phí lãi+Chi phí phi lãi)x100/Mức cho vay.

5.Phương thức định giá lãi suất tiền gửi ngân hàng

5.1.Lãi suất tiền gửi nhìn chung được định giá thấp hơn lãi suất cho vay.

Lãi suất tiền gửi được định giá dựa vào tỷ lệ chênh lệch bình quân, đã được tính toán trong quá khứ giữa lãi suất bình quân đầu vào đảm bảo sao cho ngân hàng trang trải được chi phí lãi, các chi phí phi lãi và có lợi nhuận

5.2.Lãi suất tiền gửi có tính đến các yếu tố lạm phát ,yếu tố về thời gian gửi tiền của khách hàng.

Thời gian gần đây, các ngân hàng đã duy trì được mối tương quan giữa lãi suất tiền gửi với tỷ lệ lạm phát phù hợp, lãi suất tiền gửi được xây dựng dựa trên nền tảng là đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền thể hiện qua lãi suất tiền gửi lớn hơn tỷ lệ lạm phát.

6.Các nhân tố cấu thành lãi suất tiền gửi ngân hàng

6.1.Nhân tố thời gian của lãi suất:

Nhân tố thời gian của lãi suất ngân hàng bao gồm:

+ *Giá trị của quyền sử dụng tiền trong khoảng thời gian nhất định*: là lợi tức mà người vay phải trả do sử dụng quyền sử dụng tiền tệ của người cho vay trong điều kiện không lạm phát và rủi ro.

+ *Tỷ lệ lạm phát dự tính*: Lạm phát là kẻ thù của lãi suất. Lạm phát sẽ làm bay hơi một cách vô hình lãi suất của các loại tài sản mà ngân hàng và nhân dân có được.

+ *Tỷ lệ lạm phát dự tính* là phần mà ngân hàng mong muốn bù đắp nếu lạm phát diễn ra.

Chú ý: Trong cùng một đơn vị thời gian:

+ *Tỷ lệ lãi suất = tỷ lệ lạm phát*, thì lãi suất thực sự bằng không.

+ *Tỷ lệ lãi suất < tỷ lệ lạm phát*, lãi suất thực là âm. Lạm phát càng lớn lãi suất bao nhiêu, giá trị thực của lãi suất càng thấp bấy nhiêu. Giá trị của tài sản bị hao mòn càng dữ dội.

+ *Tỷ lệ lãi suất > tỷ lệ lạm phát*, lãi suất thực sự lớn hơn không. Lãi suất càng lớn hơn lạm phát, lợi nhuận thực thu được càng lớn theo. Trong trường hợp này, đầu tư hoàn toàn có lợi.

6.2.Nhân tố rủi ro trong lãi suất.

Rủi ro cũng là nhân tố làm tăng hoặc giảm lãi suất tài sản của ngân hàng và nền kinh tế. Nhân tố này hình thành loại chi phí rủi ro mà ngân hàng và các nhà đầu tư khác nhau phải tính đến cho các trường hợp vốn đầu tư bị mất giá, vốn không thu hồi được vì nơi nhận đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, lợi tức trở nên âm vì giá cả tăng nhanh.

Rủi ro phải là nhân tố được tính vào lãi suất, nhưng được tính như thế nào đó là điều quan trọng. Một doanh nghiệp không chỉ chi phối bởi môi trường bên trong, mà còn bị chi phối bởi các yếu tố môi trường bên ngoài, chúng không kiểm soát được. Rủi ro môi trường bên ngoài không thể bị loại trừ bởi việc đa dạng hóa, nên người ta còn gọi chúng là “rủi ro không thể đa dạng”. Các rủi ro này thường

tạo ra những tác động khác nhau đến hoạt động kinh doanh và trường hợp xấu nhất chúng có thể dẫn đến phá sản.

Phần 2. LÃI SUẤT TIỀN GỬI CỦA NGÂN HÀNG TECHCOMBANK.

I. SƠ LƯỢC VỀ NGÂN HÀNG

Được thành lập ngày 27/09/1993 với số vốn ban đầu là 20 tỷ đồng, trải qua 18 năm hoạt động, đến nay Techcombank đã trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam với tổng tài sản đạt trên 180.874 tỷ đồng (tính đến hết năm 2011).

Techcombank có cổ đông chiến lược là ngân hàng HSBC với 20% cổ phần. Với mạng lưới hơn 300 chi nhánh, phòng giao dịch trên 44 tỉnh và thành phố trong cả nước, dự kiến đến cuối năm 2012, Techcombank sẽ tiếp tục mở rộng, nâng tổng số Chi nhánh và Phòng giao dịch lên trên 360 điểm trên toàn quốc. Techcombank còn là ngân hàng đầu tiên và duy nhất được Financial Insights tặng danh hiệu Ngân hàng dẫn đầu về giải pháp và ứng dụng công nghệ.

❖ Một số thành tựu đạt được năm 2013:

- +Giải thưởng Nhà tuyển dụng tốt nhất của châu Á năm 2013.**
- + Ngân hàng tốt nhất năm 2012 của Việt Nam.**
- + Ngân hàng Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam.**
- +Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối cho các DN và định chế tài chính tốt nhất VN.**

II. CÁC LOẠI LÃI SUẤT TIỀN GỬI CỦA NGÂN HÀNG TECHCOMBANK.

1. Đối với khách hàng cá nhân.

a. Tiết kiệm PHÁT LỘC

Lãi suất vượt trội



Sản phẩm Tiết kiệm Phát Lộc giúp bạn tích lũy cho tài lộc nảy nở, niềm vui sinh sôi nhanh chóng với lãi suất hấp dẫn, kỳ hạn đa dạng. Sự thịnh vượng cho bạn và những người thân yêu luôn nằm trong tầm tay.

Lợi ích:

Lãi suất hấp dẫn và cạnh tranh:

- Thuận tiện, dễ dàng: có thể giao dịch gửi/rút tiền tiết kiệm tại tất cả các điểm giao dịch của Techcombank.
- Được phép chuyển nhượng cho người khác khi có nhu cầu

Tính năng:

- Loại tiền gửi: VND, USD, EUR.
- Số tiền gửi tối thiểu: 5.000.000 VND, 500 USD hoặc 500 EUR .
- Lãi suất: cố định trong suốt thời gian gửi .
- Kỳ hạn: 1 tháng – 36 tháng.
- Phương thức trả lãi: Trả lãi cuối kỳ.
- Không được phép rút trước hạn một phần hoặc toàn bộ số tiền gốc và lãi.
- Kéo dài kỳ hạn gửi tiền: Khi đến hạn thanh toán, nếu khách hàng không đến lĩnh, phần lãi sẽ được nhập gốc, và được chuyển sang hình thức tiết kiệm thường cùng kỳ hạn.

BIỂU LÃI SUẤT

Áp dụng lãi suất từ 08h00 ngày 17/10/2013

Bảng lãi suất áp dụng trên toàn hệ thống (% năm)

VND		USD (Tại quầy)					EUR (Tại quầy)	
Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất tại quầy	Lãi suất Online	Dưới 10.000 USD	10.000 đến 100.000USD	100.000 đến 300.000USD	Từ 300.000 USD trở lên	Áp dụng cho tất cả các mức tiền	
1 tuần- 3 tuần		0.50						
1 Th - 2 Th	6.80	6.80	1.25	1.25	1.25	1.25	0.85	
3 Th	7.00	7.00	1.25	1.25	1.25	1.25	1.35	
4 Th - 5 Th	7.00	7.00	1.25	1.25	1.25	1.25		
6 Th - 8 Th	7.30	7.30	1.25	1.25	1.25	1.25	1.70	
9 Th	7.50	7.50	1.25	1.25	1.25	1.25	1.45	
10 Th	7.50	7.50	1.25	1.25	1.25	1.25		
11 Th	7.50	7.50	1.25	1.25	1.25	1.25		
12 Th	8.30	8.30	1.25	1.25	1.25	1.25	1.35	
15 Th	8.30		1.25	1.25	1.25	1.25	0.00	
18 Th	8.30		1.25	1.25	1.25	1.25	0.00	
24 Th	8.30		1.25	1.25	1.25	1.25	0.00	
36 Th	8.30		1.25	1.25	1.25	1.25	0.00	

Điều kiện sử dụng :

- Công dân Việt Nam và người nước ngoài đang sống và cư trú hợp pháp tại Việt Nam.
- Khách hàng có kế hoạch tài chính ổn định và muốn hưởng lãi suất cao.

b. Tiết kiệm thường.

Kỳ hạn linh hoạt, lãi suất hấp dẫn



Với sản phẩm Tiết kiệm Thường, bạn có thể tích lũy theo kì hạn mình muốn với lãi suất hấp dẫn.

Mỗi ngày tích lũy thêm một niềm vui nhỏ cho gia đình bạn mãi hạnh phúc, an vui suốt bốn mùa.

Lợi ích:

- Lãi suất hấp dẫn và cạnh tranh.
- Có nhiều kỳ hạn để lựa chọn phù hợp với từng nhu cầu của khách hàng.
- Được rút tiền tiết kiệm trước hạn khi có nhu cầu và hưởng lãi suất không kỳ hạn.

Tính năng:

- Loại tiền gửi: VND, USD, EUR, AUD, GBP, JPY, SGD.
- Kỳ hạn: kỳ hạn tuần, từ 1 đến 36 tháng.
- Số tiền gửi tối thiểu: 1.000.000 VND, 100 USD 100 EUR, 100 AUD, 100 GBP, 100 JPY, 100 SGD
- Lãi suất: cố định trong suốt kỳ hạn gửi. Hưởng lãi suất không kỳ hạn khi khách hàng rút trước hạn.
- Phương thức trả lãi: trả lãi cuối kỳ/định kỳ hàng tháng/định kỳ hàng quý.
- Tái tục sổ tiết kiệm: Trong trường hợp khách hàng không đến tắt toán sổ tiết kiệm đến hạn, Techcombank sẽ chuyển Sổ Tiết kiệm của khách hàng sang kỳ hạn mới tương đương kỳ hạn cũ với mức lãi suất tại thời điểm tái tục.

BIỂU LÃI SUẤT:

Kỳ hạn	VND	VND					USD	
	Tiết kiệm rút gốc linh hoạt	Trả lãi trước (Tại quầy)	Hàng tháng (Tại quầy)	Hàng quý (Tại quầy)	Cuối kỳ (Tại quầy)	Cuối kỳ (Online)	Trả lãi trước (Tại quầy)	Cuối kỳ (Tại quầy)
KHH		0.50			0.50	0.50	0.10	0.10
1 tuần- 3 tuần					0.50	0.50		0.20
8 ngày- 17 ngày					0.50			
1 Th	6.60	6.70	6.74		6.75	6.80	1.24	1.25
2 Th	6.60	6.66	6.72		6.75	6.80	1.24	1.25
3 Th	6.80	6.82	6.90	6.94	6.95	7.00	1.24	1.25
4 Th	6.70	6.78	6.88		6.95	7.00	1.24	1.25
5 Th	6.70	6.74	6.86		6.95	7.00	1.24	1.25
6 Th	7.10	6.98	7.13	7.18	7.25	7.30	1.24	1.25
7 Th	6.80	6.93	7.11		7.25	7.30	1.24	1.25
8 Th	6.80	6.89	7.09		7.25	7.30	1.24	1.25
9 Th	7.20	7.02	7.26	7.31	7.45	7.50	1.24	1.25
10 Th	7.20	6.98	7.24		7.45	7.50	1.24	1.25
11 Th	7.20	6.93	7.22		7.45	7.50	1.24	1.25
12 Th	8.20	7.54	7.94	7.99	8.29	8.30	1.23	1.25
13 Th	8.20	7.51	7.93		8.29			
18 Th	8.20	7.23	7.80	7.85	8.29		1.23	1.25
24 Th	8.20	6.89	7.66	7.71	8.29		1.22	1.25
36 Th	8.20	6.21	7.39	7.44	8.29		1.20	1.25

Điều kiện sử dụng:

- Công dân Việt Nam và người nước ngoài đang sống và cư trú hợp pháp tại Việt Nam
- c. Tiết kiệm trả lãi trước.**

Lãi nhận ngay, chi tiêu chủ động



Tiết kiệm Trả lãi trước

Lãi nhận ngay, chi tiêu chủ động

Bạn vừa muốn tích lũy cho tương lai, vừa cần chi tiêu cho những kế hoạch trước mắt? Nhận lãi ngay với sản phẩm tiết kiệm Trả lãi trước để chuẩn bị cho kế hoạch đầu tư và chi tiêu của bạn.

Khả năng chuyển nhượng linh hoạt của tài khoản tiết kiệm này cũng sẽ giúp bạn chủ động hơn trong các quyết định của mình.

Thành công sẽ đến khi bạn là người chủ

Lợi ích:

- Khách hàng nhận lãi ngay tại thời điểm gửi tiền để tiếp tục đầu tư, kinh doanh hoặc chi tiêu cá nhân.
- Lãi suất cao nhất .

Tính năng :

- Loại tiền gửi: VND, USD, EUR .
- Số tiền gửi tối thiểu: 5.000.000 VND, 500 USD hoặc 500 EUR .
- Lãi suất: cố định trong suốt thời gian gửi .
- Kỳ hạn: 1 tháng – 36 tháng .
- Phương thức trả lãi: Trả lãi 01 lần, ngay tại thời điểm gửi tiền.
- Tất toán trước hạn: Khách hàng hưởng lãi suất không kỳ hạn cho toàn bộ số

tiền gửi, theo thời gian gửi thực tế, ngân hàng sẽ khấu trừ phần lãi đã trả trước vào số tiền gốc trên Sổ tiết kiệm của khách hàng.

- **Tất toán đúng hạn:** Khách hàng được nhận toàn bộ số tiền gốc gửi theo sản phẩm này.
- **Tất toán sau ngày đến hạn:** Nếu khách hàng không tất toán vào ngày đến hạn, số tiền gốc được chuyển sang tài khoản giữ hộ, chờ thanh toán của khách hàng mở tại Techcombank, và hưởng lãi suất không kỳ hạn từ thời điểm chuyển sang tài khoản này.

BIỂU LÃI SUẤT

Áp dụng lãi suất từ 08h00 ngày 18/11/2013

Bảng lãi suất áp dụng trên toàn hệ thống (% năm)

Kỳ hạn	VND	VND					USD	
	Tiết kiệm rút gốc linh hoạt	Trả lãi trước (Tại quầy)	Hàng tháng (Tại quầy)	Hàng quý (Tại quầy)	Cuối kỳ (Tại quầy)	Cuối kỳ (Online)	Trả lãi trước (Tại quầy)	Cuối kỳ (Tại quầy)
KHH		0.50			0.50	0.50	0.10	0.10
1 tuần-3 tuần					0.50	0.50		0.20
8 ngày- 17 ngày					0.20			
1 Th	6.60	6.70	6.74		6.75	6.80	1.24	1.25
2 Th	6.60	6.66	6.72		6.75	6.80	1.24	1.25
3 Th	6.80	6.82	6.90	6.94	6.95	7.00	1.24	1.25
4 Th	6.70	6.78	6.88		6.95	7.00	1.24	1.25
5 Th	6.70	6.74	6.86		6.95	7.00	1.24	1.25
6 Th	7.00	6.89	7.04	7.08	7.15	7.20	1.24	1.25
7 Th	6.70	6.85	7.02		7.15	7.20	1.24	1.25
8 Th	6.70	6.81	7.00		7.15	7.20	1.24	1.25

9 Th	7.10	6.95	7.17	7.21	7.35	7.40	1.24	1.25
10 Th	7.10	6.91	7.15		7.35	7.40	1.24	1.25
11 Th	7.10	6.87	7.12		7.35	7.40	1.24	1.25
12 Th	8.00	7.45	7.77	7.82	8.09	8.10	1.23	1.25
15 Th	8.10	7.39	7.79	7.84	8.19		1.23	1.25
18 Th	8.20	7.34	7.80	7.85	8.29		1.23	1.25
24 Th	8.20	7.08	7.66	7.71	8.29		1.22	1.25
36 Th	8.20	6.61	7.39	7.44	8.29		1.20	1.25

Điều kiện sử dụng :

- Công dân Việt Nam và người nước ngoài đang sống và cư trú hợp pháp tại Việt Nam.
- Khách hàng có nhu cầu hưởng lãi ngay tại thời điểm gửi tiền để chi tiêu hoặc đầu tư tiếp.

d. Tiết kiệm tích lũy tài tâm



Bạn muốn tích lũy một khoản tiền cho tương lai và muốn yên tâm kế hoạch luôn được đảm bảo trong cuộc sống có nhiều biến động không ngờ? Tài khoản Tiết kiệm Tích lũy Tài Tâm là giải đáp hoàn hảo cho bạn.

Lợi ích:

- Tài khoản tiết kiệm tích lũy định kỳ với lãi suất hấp dẫn, được tặng bảo hiểm nhân thọ miễn phí mang lại sự an tâm và bảo đảm về tài chính trong suốt thời gian tiết kiệm.
- Tiện lợi và nhanh chóng nhờ chức năng tự động đóng tiền hàng kỳ và chức năng đóng tiền qua dịch vụ ngân hàng điện tử F@st i – Bank.
- Với kênh giao dịch F@st i-bank: khách hàng hoàn toàn chủ động khi mở, theo dõi và tắt toán tài khoản tích lũy Tài tâm mà không phải đến điểm giao dịch của Techcombank.

Tính năng:

- Loại tiền gửi: VND.
- Thời gian tích lũy (kỳ hạn): từ 1 năm đến 10 năm.
- Số tiền gửi tối thiểu trung bình: 200.000 VND/ tháng.
- Định kỳ đóng tiền: 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng hoặc 12 tháng.
- Lãi suất: thả nổi được điều chỉnh vào đầu mỗi kỳ nộp tiền theo lãi suất của kỳ hạn tương ứng đang áp dụng tại Techcombank.
- Được phép nộp tiền trước cho nhiều định kỳ mà vẫn hưởng lãi và được nộp tiền trễ hạn đến 30 ngày.
- Tất toán trước hạn: Được hưởng nguyên gốc và lãi theo quy định của Techcombank, khấu trừ phí rút trước hạn.
- Được vay tối đa 95% số dư tài khoản để đáp ứng nhu cầu tài chính bất chợt của Khách hàng mà vẫn giữ nguyên các quyền lợi về bảo hiểm.
- Các quyền lợi bảo hiểm cơ bản:
 - Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực ngay sau khi khách hàng mở tài khoản Bốn mùa Tích lũy Tương lai
 - Tặng bảo hiểm miễn phí cho khách hàng với số tiền bảo hiểm lớn gấp 12 - 120 lần so với số tiền đóng định kỳ hàng tháng, tối đa lên tới 2.4 tỷ đồng.
 - Được bảo hiểm do mọi nguyên nhân (tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn do bệnh tật hoặc tai nạn).
 - Chi trả 100% số tiền tích lũy mục tiêu & lãi sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra

BIỂU LÃI SUẤT

Áp dụng lãi suất từ 08h00 ngày 18/11/2013

Bảng lãi suất áp dụng trên toàn hệ thống (% năm)

Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)
1 năm	7.5
2 năm - 3 năm	7.2
4 năm- 5 năm	7.0
6 năm - 10 năm	6.5

Điều kiện sử dụng:

- Công dân Việt Nam và người nước ngoài đang sống và cư trú hợp pháp tại Việt Nam.
- Độ tuổi tham gia: từ 18 đến 60 tuổi .
- Đáp ứng điều kiện về sức khỏe của công ty bảo hiểm.

e. Tiết kiệm tích lũy tài hiện:



“Con người” là một trong những yếu tố quan trọng mang lại sự thành công cho Doanh nghiệp. Tiết kiệm Tích lũy Tài Hiện kết hợp bảo hiểm nhân thọ miễn phí từ Techcombank chính là chìa khóa giúp doanh nghiệp thu hút, giữ chân Hiền Tài, duy trì sự gắn kết và ổn định về nhân sự. Tích lũy nhân tài hôm nay là xây đắp thành công ngày mai cho doanh nghiệp của bạn!

Lợi ích:

- Tài khoản tiết kiệm tích lũy định kỳ với lãi suất hấp dẫn, được tặng bảo hiểm nhân thọ miễn phí dành cho Nhân viên là đồng chủ tài khoản, mang lại giải pháp hữu hiệu cho Doanh nghiệp để thu hút và duy trì nguồn nhân lực.

- Tiện lợi và nhanh chóng nhờ chức năng tự động đóng tiền hàng kỳ.

Tính năng:

- Loại tiền gửi: VND.
- Thời gian tích lũy (kỳ hạn): từ 1 năm đến 10 năm.
- Số tiền gửi tối thiểu trung bình: 100.000 VND/ tháng.
- Định kỳ đóng tiền: 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng hoặc 12 tháng.
- Người đóng tiền vào tài khoản: Công ty nơi người lao động làm việc.
- Lãi suất: thả nổi được điều chỉnh vào đầu mỗi kỳ nộp tiền theo lãi suất của kỳ hạn tương ứng đang áp dụng tại Techcombank.

- Được phép nộp tiền trước cho nhiều định kỳ mà vẫn hưởng lãi và được nộp tiền trễ hạn đến 30 ngày.

- Tắt toán trước hạn: Được hưởng nguyên gốc và lãi theo quy định của Techcombank, khấu trừ phí rút trước hạn.

- Các quyền lợi bảo hiểm cơ bản:

- Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực ngay sau khi khách hàng mở tài khoản Tiết kiệm Tích lũy Tài Hiện.

- Tặng bảo hiểm miễn phí cho CBNV - đồng Chủ tài khoản với số tiền bảo hiểm lớn gấp 12 - 120 lần so với số tiền đóng định kỳ hàng tháng, tối đa 2.4 tỷ đồng.

- Được bảo hiểm do mọi nguyên nhân (tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn do bệnh tật hoặc tai nạn). Chi trả 100% số tiền tích lũy mục tiêu & lãi sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra

Điều kiện sử dụng :

- Các tổ chức doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
- Độ tuổi của nhân viên tham gia: từ 18 đến 60 tuổi
- Nhân viên tham gia đáp ứng điều kiện về sức khỏe của công ty bảo hiểm

f. Tiết kiệm online



Kẹt xe trên đường...Lo lắng khi mang nhiều tiền mặt trong túi...Xếp hàng tại chi nhánh để gửi tiết kiệm...

Giờ đây, mọi vấn đề đều được giải quyết với Tiết kiệm Online của Techcombank.

Chỉ cần nhấp chuột **hoặc dùng thẻ thanh toán tại 1,248 máy ATM của techcombank** và chuyển tiền từ tài khoản cá nhân của mình sang tài khoản Tiết kiệm Online của Techcombank, bạn có thể yên tâm, tiền của bạn bắt đầu sinh lời với lãi suất hấp dẫn.

Thoải mái tận hưởng dịch vụ ngân hàng tại ngay không gian ưa thích của bạn mọi nơi, mọi lúc với các sản phẩm tiết kiệm Online của Techcombank.

Lợi ích:

- Giao dịch 24/7, mọi lúc mọi nơi tại ATM của Techcombank hoặc qua Dịch vụ ngân hàng điện tử F@st i-Bank.
- Đơn giản tối đa không cần phải đến Ngân hàng.
- Lãi suất hấp dẫn, kỳ hạn phong phú.
- An toàn và bảo mật tuyệt đối .

Tính năng:

- Loại tiền gửi: VND.
 - Kỳ hạn: 1-3 tuần, 1-12 tháng.
 - Số tiền gửi tối thiểu: 1.000.000 VND.
 - Lãi suất: cố định trong suốt thời gian gửi.
 - Phương thức trả lãi: trả lãi cuối kỳ.
 - Tắt toán trước hạn.
- Tiết kiệm Online: được tắt toán trước hạn và hưởng lãi suất không kỳ hạn.

Điều kiện sử dụng:

- KH đang sử dụng DV Ngân hàng điện tử F@st i-Bank của Techcombank hoặc
- KH đang sử dụng dịch vụ thẻ thanh toán của Techcombank (không bao gồm thẻ phụ và thẻ tín dụng)

g. Tiết kiệm F@st saving:



Không còn mất thời gian giao dịch tại ngân hàng, không phải lo giữ sổ tiết kiệm .

Bạn đã có tài khoản tiết kiệm F@st Saving tự động tích lũy, đảm bảo đồng tiền của bạn luôn được sinh lời tối đa.

Với ưu điểm về lãi suất cao và không hạn chế số tiền gửi vào, rút ra, việc gửi tiết kiệm giờ đây thật đơn giản và thuận tiện.

Hãy an tâm dành nhiều thời gian hơn cho gia đình yêu thương của bạn!

Lợi ích

- Giúp khách hàng gửi tiết kiệm một cách linh hoạt, không mất nhiều thời gian giao dịch với ngân hàng. Không phải lo giữ sổ tiết kiệm.
- Lãi suất cao hơn lãi suất không kỳ hạn và tăng dần tương ứng với mức tiền gửi
- Thuận tiện, dễ dàng: có thể giao dịch gửi/rút tiền tiết kiệm tại bất kỳ điểm giao dịch của Techcombank.

Tính năng

- Loại tiền: VND
- Là tài khoản tiết kiệm không kỳ hạn, không hạn chế số tiền gửi vào và rút ra.
- Được kết nối trực tiếp với tài khoản cá nhân và thẻ F@stAccess của khách hàng, tài khoản tiết kiệm F@st Saving nhận tự động các khoản tiền khách hàng đăng ký chuyển từ tài khoản cá nhân sang tài khoản tiết kiệm F@st Saving, khi

số dư tài khoản cá nhân của khách hàng vượt quá mức số dư tối đa khách hàng cần duy trì (chỉ phần vượt trội được chuyển), để hưởng lãi suất cao hơn.

• Ngược lại, trong trường hợp khi số dư tài khoản cá nhân của khách hàng xuống thấp hơn mức số dư tối thiểu khách hàng muốn duy trì thì tiền từ tài khoản tiết kiệm F@st Saving sẽ được tự động chuyển về tài khoản cá nhân của khách hàng để duy trì mức số dư tối thiểu (chỉ chuyển về một khoản tiền đúng và đủ để phục hồi mức số dư tối thiểu).

Áp dụng lãi suất từ 08h00 ngày 18/11/2013

Bảng lãi suất áp dụng trên toàn hệ thống (% năm)

Mức lũy tiền	Lãi suất (%/năm)
Từ 1.000.000 đến 50.000.000 đồng	0.1
Từ trên 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng	0.3
Từ trên 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng	0.5
Từ trên 1.000.000.000 đồng	1.2

Điều kiện sử dụng:

- Công dân Việt Nam và người nước ngoài đang sống và cư trú hợp pháp tại Việt Nam.
- Khách hàng có nhu cầu sử dụng nguồn vốn linh hoạt và tối đa hóa lãi suất trên số dư tài khoản tiền gửi thanh toán.

h. Tiết kiệm superkid

Thực hành tiết kiệm thông minh:

Không chỉ là giải pháp tài chính thuận tiện và phù hợp, Tiết kiệm SuperKid cùng phụ huynh hình thành tốt ý thức tốt về quản lý tài chính cho con ngay từ nhỏ.

Lợi ích:

- Dạy trẻ hiểu ý nghĩa của đồng tiền và cách sử dụng đồng tiền thông minh
- Sản phẩm linh hoạt phù hợp với khả năng tài chính đa dạng của khách hàng.
 - + Gửi tiền Không giới hạn số lần trong kỳ hạn gửi
 - + Linh hoạt ngày gửi tiền
 - + Chủ động số tiền nộp

- Kênh giao dịch đa dạng mang đến thuận tiện tối đa.

Tính năng:

- Loại tiền gửi: VNĐ
- Kỳ hạn: từ 1 năm đến 15 năm (tròn năm).
- Số tiền gửi lần đầu và các lần tiếp theo : 200.000 VNĐ.
- Lãi suất: theo quy định của sản phẩm.
- Tắt toán trước hạn: Khách hàng được tắt toán trước hạn và được hưởng lãi suất theo quy định của sản phẩm.

Điều kiện sử dụng:

- Chủ tài khoản: từ 0⁺ đến 15 tuổi.
- Người giám hộ/ đại diện theo pháp luật ký tên trên các chứng từ giao dịch khi Chủ tài khoản chưa đủ 18 tuổi.

Hồ sơ đăng ký:

- CMND/HC của người giám hộ/ đại diện theo pháp luật.
- Giấy khai sinh của người được giám hộ/đại diện theo pháp luật (*).
- Giấy tờ chứng minh tư cách giám hộ/đại diện theo pháp luật (nếu người giám hộ/người đại diện theo pháp luật không là bố/mẹ của người được giám hộ/đại diện theo pháp luật) (*)

Ghi chú: (*) có thể bổ sung trong thời gian gửi tiền cho đến khi tắt toán tài khoản SuperKid.

i. Tiết kiệm AN LỘC

“Tiết kiệm An lộc” sản phẩm tiết kiệm vừa giúp khách hàng thực hiện tích lũy cho gia đình với lãi suất hấp dẫn đồng thời khi tham gia sản phẩm này khách hàng sẽ được tặng miễn phí gói bảo hiểm sức khỏe theo lựa chọn của Khách hàng.

Tính năng và lợi ích:

Lợi ích khi gửi tiết kiệm An lộc:

- Lãi suất linh hoạt
- Được tặng gói bảo hiểm sức khỏe miễn phí
- Thuận tiện, dễ dàng: có thể giao dịch gửi/rút tiền tiết kiệm tại bất kỳ điểm giao dịch nào của Techcombank.

Tính năng của tiết kiệm An lộc:

- Loại tiền gửi: VND
- Số tiền gửi tối thiểu: 50.000.000 VND
- Kỳ hạn: từ 3 tháng - 12 tháng.
- Lãi suất: Cố định trong suốt thời gian gửi

Số tiền	Kỳ hạn									
	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Từ 50tr - dưới 200tr										
Từ 200tr - dưới 300tr										
Từ 300tr trở lên										

Phương thức trả lãi: trả lãi 1 lần vào ngày đến hạn:

- **Rút gốc lãi: phải rút toàn bộ gốc + lãi vào ngày đến hạn và hưởng lãi cố định theo kỳ hạn gửi.**

- Tái tục/quay vòng: kết thúc thời hạn tài khoản tiền gốc và lãi được chuyển vào tài khoản thanh toán của khách hàng chỉ định lúc gửi tiền.

Chuyển nhượng, cầm cố:

- Được sử dụng cho mục đích cầm cố vay vốn tại Techcombank
- Không được chuyển nhượng.

Điều kiện sử dụng:

- Công dân Việt Nam và người nước ngoài đang sống và cư trú hợp pháp tại Việt Nam

II. Đối với doanh nghiệp:

1. Tiền gửi thực gửi

Tối ưu hóa vốn nhàn rỗi, rút gốc khi cần sử dụng mà vẫn được hưởng lãi suất cao

Hợp đồng tiền gửi thực là giải pháp hiệu quả nhất cho doanh nghiệp có nguồn tài chính chưa rõ được kế hoạch sử dụng vốn trong ngắn hạn. Với dịch vụ này, doanh nghiệp có thể rút tiền bất kỳ lúc nào mà vẫn được hưởng lãi suất cao.

Đối tượng:

Khách hàng là các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam (không bao gồm các tổ chức là định chế tài chính và các công ty trực thuộc Techcombank).

Đặc điểm:

- Loại tiền: VND hoặc ngoại tệ
- Kỳ hạn Hợp đồng: 3 tháng/ 6 tháng/ 9 tháng/ 13 tháng
- Số tiền gửi tối thiểu: 20.000.000 VND; 2000 USD hoặc ngoại tệ khác quy đổi tương đương 1000 USD
- Lãi suất: lãi suất theo thời gian thực gửi 1 tuần, 2 tuần, 3 tuần, 1 tháng, 2 tháng ... đến 13 tháng. Thời gian thực gửi dưới 1 tuần áp dụng lãi suất không kỳ hạn, thời gian thực gửi khác với thời gian thực gửi Techcombank quy định áp dụng theo mức lãi suất của kỳ hạn thấp hơn gần nhất.
- Phương thức trả lãi: trả cuối kỳ vào ngày đáo hạn HĐTG hoặc vào ngày khách hàng rút trước hạn

Lợi ích khi Doanh nghiệp sử dụng sản phẩm Tiền gửi thực

- Lựa chọn được kỳ hạn Hợp đồng thực gửi phù hợp
- Có thể thỏa thuận lãi suất hấp dẫn
- Được rút gốc và lãi trước hạn theo hợp đồng mà vẫn được hưởng lãi suất cao
- Miễn phí chuyển tiền trong nước, thanh toán gốc và lãi khi đến hạn vào Tài khoản của khách hàng tại Techcombank hoặc TCTD khác theo thỏa thuận trong hợp đồng
- Thanh toán gốc & lãi khi đến hạn vào Tài khoản của khách hàng tại Techcombank hoặc TCTD khác theo thỏa thuận trong hợp đồng
- Tự động tái tục Hợp đồng tiền gửi nếu đáo hạn khách hàng không đến tắt toán

- Có thể dùng làm TSDB vay vốn hoặc đảm bảo cho nghĩa vụ khác tại Techcombank hoặc TCTD khác nếu được chấp nhận.
- Được phép chuyển nhượng Hợp đồng tiền gửi VND

Hồ sơ đăng ký:

- Nếu Khách hàng đã có tài khoản tại Techcombank thì chỉ cần làm Hợp đồng tiền gửi theo thời gian thực theo mẫu của Techcombank
- Nếu Khách hàng giao dịch lần đầu và chưa có tài khoản tại Techcombank ngoài làm Hợp đồng tiền gửi theo thời gian thực gửi theo mẫu của Techcombank thì cung cấp thêm các bản sao có xác thực/chứng thực gồm:
 - o Quyết định thành lập / Đăng ký kinh doanh / Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
 - o Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế có dấu xác nhận của công ty
 - o Quyết định bổ nhiệm chức vụ của đại diện theo Pháp luật
 - o Giấy ủy quyền ký của người đại diện theo Pháp luật (nếu có)
 - o Bản sao CMND hoặc Hộ chiếu của đại diện theo Pháp luật hoặc người ủy quyền (nếu có).

2. Tiền gửi thanh toán

An toàn, thuận tiện, nhanh chóng:

Thông qua tài khoản tiền gửi thanh toán Khách hàng có thể gửi hoặc rút tiền mặt; nhận hoặc thanh toán chuyển khoản với đối tác trong và ngoài nước nhanh chóng, chi phí thấp nhất.

Đối tượng:

Khách hàng là các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Đặc điểm:

- Loại tiền: VND và ngoại tệ.
- Lãi suất: Lãi suất Không kỳ hạn theo quy định của Techcombank từng thời kỳ.
- Phương thức trả lãi: Tiền lãi được ghi có vào tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng hàng tháng vào cuối tháng.

- Các giao dịch qua tài khoản: gửi/rút tiền mặt; nhận/thanh toán chuyển khoản.

(Ghi chú: Đối với giao dịch nộp/rút ngoại tệ mặt, thanh toán chuyển khoản bằng ngoại tệ, phải có giấy tờ chứng minh nguồn gốc hoặc giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng theo quy định quản lý ngoại hối.)

Lợi ích khi Doanh nghiệp sử dụng sản phẩm Tiền gửi thanh toán:

- Hưởng lãi suất không kỳ hạn.
- Mở tài khoản một nơi có thể giao dịch nhiều nơi.
- An toàn, chính xác, bảo mật tuyệt đối trong các giao dịch thanh toán.
- Có cơ hội gia tăng lãi suất khi tham sản phẩm Tài khoản Fast Invest.
- Có thể sử dụng vượt quá số dư trên tài khoản khi tham gia Sản phẩm thấu chi.
- Được cung cấp các dịch vụ hỗ trợ: Fast E Bank, Internet Banking...

Hồ sơ đăng ký:

Khách hàng làm thủ tục mở tài khoản theo quy định của Techcombank.

- Đề nghị mở tài khoản.
- Hồ sơ chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức.
- Hồ sơ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của chủ tài khoản.
- Mẫu biểu áp dụng.

3. Tiết kiệm linh hoạt - Fast Invest.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhàn rỗi:

Sử dụng dịch vụ này, khi tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Doanh nghiệp vượt quá số dư nhất định, phần số dư vượt quá sẽ được tự động chuyển sang một tài khoản đặc biệt – tài khoản tiết kiệm linh hoạt. Khi số dư tài khoản tiền gửi thanh toán giảm xuống dưới mức số dư này, tiền sẽ được chuyển bằng ủy nhiệm chi để chuyển từ tài khoản tiết kiệm linh hoạt về tài khoản tiền gửi thanh toán của doanh nghiệp.

Lợi ích khi Doanh nghiệp sử dụng sản phẩm Tiết kiệm linh hoạt - Fast Invest:

- *Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhàn rỗi* ngắn hạn, đồng thời vẫn đảm bảo tính linh hoạt khi doanh nghiệp có sự thay đổi về nhu cầu sử dụng vốn kinh doanh.

- *Nâng cao hiệu quả và lợi ích kinh tế:* tài khoản tiết kiệm linh hoạt được hưởng mức lãi suất cao hơn tài khoản tiền gửi thanh toán thông thường.

- *Sử dụng vốn linh hoạt* như tiền gửi thanh toán thông thường vì vốn được điều chuyển tự động qua lại giữa tài khoản tiền gửi thanh toán và tài khoản tiết kiệm linh hoạt.

Điều kiện:

- Các doanh nghiệp có mở tài khoản tiền gửi tại Techcombank, và ký thỏa thuận sử dụng dịch vụ với Techcombank.

Hồ sơ đăng ký:

Liên hệ với ngân hàng để biết thêm chi tiết.

4. Tiền gửi có kỳ hạn.

Sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi một cách an toàn, hiệu quả:

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn là giải pháp an toàn và hiệu quả cho doanh nghiệp có nhu cầu gửi tiền theo kỳ hạn xác định hoặc có nhu cầu rút gốc từng phần đối với các khoản tiền gửi lớn, phần gốc rút đúng hạn vẫn được hưởng theo mức lãi suất ban đầu. Với số tiền gửi tối thiểu thấp, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ này có thể tận dụng tiền nhàn rỗi một cách có hiệu quả và an toàn.

Đối tượng:

Khách hàng là các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam

Đặc điểm:

- Loại tiền: VNĐ hoặc ngoại tệ

- Kỳ hạn: theo tuần hoặc tháng

- Số tiền gửi tối thiểu: 10.000.000VNĐ; 1000USD hoặc ngoại tệ khác quy đổi tương đương 1000 USD

- Lãi suất: tương ứng theo kỳ hạn gửi, số tiền càng lớn lãi suất càng cao

- Rút gốc trước hạn:

HĐTG có giá trị dưới 5 tỷ VNĐ/ 300.000 USD, khách hàng phải rút toàn bộ số tiền gốc và lãi một lần. Lãi suất rút trước hạn là không kỳ hạn.

HĐTG có giá trị từ 5 tỷ VNĐ/ 300.000 USD trở lên, khách hàng được rút gốc và lãi nhiều lần. Lãi suất trên số tiền gốc rút trước hạn là lãi suất không kỳ hạn. Lãi suất trên số tiền rút khi đến hạn theo lãi suất quy định trên Hợp đồng.

- Phương thức trả lãi: trả cuối kỳ vào ngày đáo hạn HĐTG hoặc vào ngày khách hàng rút trước hạn

Lợi ích khi Doanh nghiệp sử dụng sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn:

- Đa dạng kỳ hạn
- Có thể thỏa thuận lãi suất hấp dẫn với số tiền lớn
- Được rút gốc và lãi trước hạn theo hợp đồng
- Miễn phí chuyển tiền trong nước, thanh toán gốc và lãi khi đến hạn vào Tài khoản của khách hàng tại Techcombank hoặc TCTD khác theo thỏa thuận trong hợp đồng
- Thanh toán gốc & lãi khi đến hạn vào Tài khoản của khách hàng tại Techcombank hoặc TCTD khác theo thỏa thuận trong hợp đồng
- Tự động tái tục Hợp đồng tiền gửi
- Có thể dùng làm TSDB vay vốn hoặc đảm bảo cho nghĩa vụ khác tại Techcombank hoặc TCTD khác nếu được chấp nhận
- Được phép chuyển nhượng Hợp đồng tiền gửi VND

Hồ sơ đăng ký:

- Nếu Khách hàng đã có tài khoản tại Techcombank thì chỉ cần làm Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn theo mẫu của Techcombank
- Nếu Khách hàng giao dịch lần đầu và chưa có tài khoản tại Techcombank ngoài làm Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn theo mẫu của Techcombank thì cung cấp thêm các bản sao có xác thực/chứng thực gồm:
 - o Quyết định thành lập / Đăng ký kinh doanh / Giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
 - o Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế có dấu xác nhận của công ty
 - o Quyết định bổ nhiệm chức vụ của đại diện theo Pháp luật
 - o Giấy ủy quyền ký của người đại diện theo Pháp luật (nếu có)
 - o Bản sao CMND hoặc Hộ chiếu của đại diện theo Pháp luật hoặc người ủy

quyền (nếu có)






III. BẢNG SO SÁNH LÃI SUẤT TIỀN GỬI CÁ NHÂN GIỮA CÁC NGÂN HÀNG.







Tháng 10 năm 2013:

VND- cá nhân

NH/KH	0	1	2	3	6	12
 ASBANK Trao giải pháp - Nhận nụ cười	1.00	7.00	7.00	7.00	8.00	9.00
 ACB NGÂN HÀNG Á CHÂU Ngân hàng của mọi nhà	1.20	6.90	6.90	7.00	7.40	8.30
 Oceanbank A division of People's United Bank	1.20	7.00	7.00	7.00	7.50	8.50
 SCB NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN SAIGON COMMERCIAL BANK		7.00	7.00	7.00	8.00	9.80
 SeABank	0.80	6.80	6.85	6.90	7.20	8.00
 NGÂN HÀNG PHƯƠNG NAM Southern Bank 南方銀行	1.20	7.00	7.00	7.00	7.70	9.70
 TECHCOMBANK	1.00	8.00	8.00	8.00	8.00	11.00

USD- cá nhân

NH/KH	0	1	2	3	6	12
 ASBANK Trao giải pháp - Nhận nụ cười	0.30	1.25	1.25	1.25	1.25	1.25
 ACB NGÂN HÀNG Á CHÂU Ngân hàng của mọi nhà	0.50	1.25	1.25	1.25	1.25	1.25
 HABUBANK Giá trị tích lũy niềm tin	0.50	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
 KIENLONG BANK Ngân hàng Kiên Long - Sẵn lòng chia sẻ.	0.42	1.98	1.98	1.98	1.98	2.00
 MID BANK NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN MỀM KỲ	0.42	1.30	1.40	1.50	1.50	1.50

	0.15	1.25	1.25	1.25	1.25	1.25
		1.25	1.25	1.25	1.25	1.25
	0.50	1.25	1.25	1.25	1.25	1.25
	0.25	1.25	1.25	1.25	1.25	1.25
	0.20	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
	0.50	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00

KẾT LUẬN

Qua đề tài này, ta thấy lãi suất tiền gửi ngân hàng có vai trò đặc biệt quan trọng. Mỗi thay đổi của nó ảnh hưởng rất lớn tới các hoạt động trong nền kinh tế. Lãi suất tiền gửi là một lĩnh vực hết sức phức tạp, bởi nó hội tụ nhiều mối quan hệ, các mâu thuẫn liên quan trực tiếp tới lợi ích vật chất trong xã hội nói chung và ngân hàng nói riêng .

Lãi suất tiền gửi cũng nên luôn luôn phải đổi mới theo hướng đa dạng hóa linh hoạt nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, tạo điều kiện cho ngân hàng tối thiểu hóa chi phí đầu vào, tăng lợi nhuận.